

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2023/HS-ST
Ngày: 09/3/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đoàn Thị Điệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Phương Nga

- Ông Nguyễn Đắc Quýnh

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Minh Đức - Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị La và ông Trần Đình Nghị - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 06/2023/TLST-HS ngày 17 tháng 01 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2023/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 2 năm 2023 và quyết định hoãn phiên toà số 03/2023/QĐ –HPT ngày 02/3/2023 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Hoàng Q; Sinh năm: 1995; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nơi ĐKKHKT: Số 46 L, phường H, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng; Trình độ văn hóa: 12/12, Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H2; Gia đình có 02 chị em, bị cáo con thứ hai; Có vợ là Tống Diệu N; có 01 con sinh năm 2022; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 12/9/2022, Phòng An ninh mạng và phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, Công an tỉnh Hải Dương xử phạt hành chính về hành vi Cho vay lãi nặng mà lãi suất cho vay vượt quá tỷ lệ lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 22/10/2022 tại Nhà tạm giữ Công an huyện N
Có mặt tại phiên toà

2. Trương Văn D; Sinh năm: 2000; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nơi ĐKKHKT: Tổ C, phường H, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng; Trình độ văn hóa: 12/12, Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Trương Văn H1 và bà Nguyễn Thị V; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai; Tiền án, tiền sự: Chưa;

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 22/10/2022 tại Nhà tạm giữ Công an huyện N - Có mặt tại phiên toà

3. Hoàng Việt Đ; Sinh năm:1998; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nơi ĐKKHKT: Số 76 Đ, phường S, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng; Trình độ văn hóa: 06/12, Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Hoàng Trọng M và bà Trần Thị H3; Gia đình có 04 chị em, bị cáo con thứ tư; Tiền án: Không;

Tiền sự:

- Ngày 2/4/2020, Công an Thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh xử phạt hành chính về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy.

- Ngày 24/6/2022, Công an Quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xử phạt hành chính về hành vi Gây tổn hại sức khoẻ cho người khác.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Anh Đặng Văn C, sinh năm 1973, trú tại thôn P1, xã H4, huyện N, tỉnh Hải Dương.

- Chị Hoàng Thị B, sinh năm 1962, trú tại khu H4, Thị trấn N, huyện N, tỉnh Hải Dương.

- Chị Vũ Thị X, sinh năm 1983, trú tại khu L2, Thị trấn N, huyện N, tỉnh Hải Dương.

- Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1983, trú tại thôn T7, xã T9, huyện N, tỉnh Hải Dương.

- Ông Vương Văn L, sinh năm 1962, trú tại khu H4, Thị trấn N, huyện N, tỉnh Hải Dương.

- Chị Phan Thị N, sinh năm 1976, trú tại thôn B2, xã A5, huyện N, tỉnh Hải Dương.

- Chị Nguyễn Thu H, sinh năm 1974, trú tại thôn A, xã Q1, huyện N, tỉnh Hải Dương.

- Anh Đoàn Tâm T1, sinh năm 1984, trú tại phường A2, Thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Anh Nguyễn Hữu D, sinh năm 1981, trú tại thôn A3, xã N6, huyện N, tỉnh Hải Dương.

- Ông Lê Viết T2, sinh năm 1959, trú tại thôn A6, xã A8, huyện N, tỉnh Hải Dương.

- Ông Phạm Đình T3, sinh năm 1963, trú tại thôn A5, xã A5, huyện N, tỉnh Hải Dương.

- Chị Phạm Thị N2, sinh năm 1978, trú tại thôn L6, xã H8, huyện N, tỉnh Hải Dương.

- Anh Bùi Văn H2, sinh năm 1993, trú tại thôn Đ, xã N3, huyện N, tỉnh Hải Dương.

Đều có đơn đề nghị vắng mặt

- Anh Nguyễn Văn T5, sinh năm 1990, trú tại: Số 199 đường N, H, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Chị Tống Diệu Ni, sinh năm 2001, trú tại: Số 46, phường H, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

Đều có mặt

** Người làm chứng:*

+ Anh Nguyễn Công T9, sinh năm 1998

+ Anh Dương Bá L8, sinh năm 2000

+ Anh Đào Hồng Q, sinh năm 1990

Đều vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt N2 sau:

Do có mục đích thu lời bất chính nên trong khoảng thời gian từ tháng 6/2020 đến tháng 8/2022, Nguyễn Hoàng Q thực hiện việc cho vay tiền dưới hình thức bốc bát họ tại khu vực huyện N. Từ tháng 6/2020 đến tháng 7/2021, Nguyễn Hoàng Q hoạt động cho vay tại địa điểm số 207 đường N, khu H4, thị trấn N lấy tên quán là "Tài chính 283", từ tháng 7/2021 đến tháng 8/2022, Q hoạt động cho vay tại địa chỉ số 22 đường Y, khu N1, thị trấn N, huyện N.

Hình thức hoạt động: Q hoạt động cho vay dưới hình thức bốc bát họ, nếu người vay có nhu cầu vay tiền gặp trực T3 hoặc gọi điện thoại cho Q. Sau đó, Q giao cho người đi xác minh thông tin của người vay, nếu đủ điều kiện sẽ xuất tiền cho vay. Mức lãi suất và thời hạn vay được Q ấn định N2 sau: Với khoản vay 1.000.000 đồng, trong thời hạn 40 ngày, mỗi ngày người vay phải trả 30.000

đồng, tổng tiền gốc và tiền lãi thu được của người vay là 1.200.000 đồng (tương ứng mức lãi suất 182,5%/năm); trong thời hạn 42 ngày, mỗi ngày trả 28.571 đồng, tổng tiền gốc và lãi thu được 1.200.000 đồng (tương ứng lãi suất 173,8%/năm); nếu trong thời hạn 36 ngày mỗi ngày phải trả 33.333 đồng tổng tiền gốc và lãi thu được là 1.200.000 đồng (tương ứng mức lãi suất 203 %/năm); nếu trong thời hạn 30 ngày, mỗi ngày phải trả 40.000 đồng tổng tiền gốc và lãi thu được là 1.200.000 đồng (tương ứng mức lãi suất 243%/năm).

Nguyễn Hoàng Q sử dụng số điện thoại 0988.226.230 đăng ký, sử dụng tài khoản tên "283haiduong", mật khẩu "haiduong" đăng nhập trên Website <http://www.Mecash.vn> để quản lý việc cho vay tiền, hình thức bóc bắt họ, nhận khách hàng vay tiền, xuất tiền, nhập thông tin khách hàng phần mềm, điều hành công việc. Để thực hiện việc cho vay lãi nặng nêu trên, Nguyễn Hoàng Q thuê Trương Văn D (giúp việc cho Hoàng Q trong khoảng thời gian từ tháng 6/2020 đến 05/10/2020 và T3 tục từ 01/7/2021 đến 25/8/2022); Hoàng Việt Đ (giúp việc cho Hoàng Q từ 15/6/2022 đến 25/8/2022) hàng ngày quản lý phần mềm cho vay, đi xác minh thông tin khách hàng vay, gọi điện nhắc nợ, thu nợ của khách hàng vay.

Trong khoảng thời gian từ tháng 6 năm 2020 đến tháng 8 năm 2022, Nguyễn Hoàng Q cùng đồng bọn đã thực hiện cho nhiều người vay tiền, trong đó xác minh, làm rõ được 13 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan với tổng số 401 hợp đồng, tổng số tiền cho vay là 5.358.000.000 đồng, tổng tiền lãi thu được là 1.051.966.665 đồng, thu lợi bất chính với tổng số tiền là 937.973.789 đồng. Mức lãi suất cho vay từ 173,8%/năm đến 243%/năm cao gấp 8,98 lần đến 12,15 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự. Các hợp đồng cho vay cao nhất là 40.000.000đ tiền gốc trong đó tiền thu lợi bất chính cao nhất của hợp đồng là 7.123.288đ.

Cụ thể N2 sau:

- Khách hàng Đặng Văn C (C HP, C P1, C Nhôm, Hiền HP, N2 HP), sinh năm 19 73, trú tại thôn P1, xã H4, huyện N vay 185 hợp đồng vay đã kết thúc, 05 hợp đồng vay hiện hành, thời hạn vay 40 ngày, số tiền vay là 3.630.000.000 đồng, tiền lãi đã trả là 709.766.666 đồng, tương ứng mức lãi suất cho vay là 178%/năm cao gấp 8,9 lần so với Bộ luật dân sự quy định. Nguyễn Hoàng Q đã thu lợi bất chính số tiền 631.980.365 đồng.

- Khách hàng Hoàng Thị B (B Hoa Quả), sinh năm 1962, trú tại khu H4, Thị trấn N, huyện N vay 37 hợp đồng vay đã kết thúc, thời hạn vay 30 ngày, số

tiền vay là 185.000.000 đồng, tiền lãi đã trả là 37.000.000 đồng, tương ứng mức lãi suất cho vay là 243%/năm cao gấp 12,15 lần so với Bộ luật dân sự quy định. Nguyễn Hoàng Q đã thu lợi bất chính số tiền là 33.958.904 đồng.

- Khách hàng Vũ Thị X (X L2), sinh năm 1983, trú tại khu L2, Thị trấn N, huyện N vay 35 hợp đồng vay đã kết thúc của Nguyễn Hoàng Q, thời hạn vay 40 ngày, số tiền vay là 350.000.000 đồng, tiền lãi đã trả là 70.000.000 đồng, tương ứng mức lãi suất cho vay là 182,5% cao gấp 9,12 lần so với Bộ luật dân sự quy định. Nguyễn Hoàng Q đã thu lợi bất chính số tiền 62.328.767 đồng và 01 hợp đồng hiện hành, thời hạn vay 40 ngày số tiền vay 10.000.000đ; tương ứng mức lãi suất cho vay là 182,5% cao gấp 9,12 lần so với Bộ luật dân sự quy định đã trả 5.000.000đ tiền gốc, lãi đã trả 1.000.000đ trong đó thu lời bất chính 890.411đ. Tổng số tiền thu lời bất chính là 63.219.178đ

- Khách hàng Nguyễn Thị Thu (Thu T9), sinh năm 1983, trú tại thôn T7, xã T9, huyện N vay 26 hợp đồng vay đã kết thúc, thời hạn vay 40 ngày, số tiền vay là 128.000.000 đồng, tiền lãi đã trả là 25.600.000 đồng, tương ứng mức lãi suất cho vay là 183%/năm cao gấp 9,15 lần so với Bộ luật dân sự quy định. Nguyễn Hoàng Q đã thu lợi bất chính số tiền là 22.801.096 đồng.

- Khách hàng Vương Văn L (Lợi Đồng Lạc), sinh năm 1962, trú tại khu H4, Thị trấn N, huyện N vay 11 hợp đồng vay đã kết thúc, trong đó có 03 hợp đồng thời hạn vay là 40 ngày và 08 hợp đồng thời hạn vay 30 ngày, số tiền vay là 70.000.000 đồng, tiền lãi đã trả là 14.000.000 đồng, tương ứng mức lãi suất cho vay là 183%/năm cao gấp 9,15 lần so với Bộ luật dân sự quy định. Nguyễn Hoàng Q đã thu lợi bất chính số tiền là 12.684.932 đồng.

- Khách hàng Phan Thị N2 (N2 B2), sinh năm 1976, trú tại thôn B2, xã A5, huyện N vay 09 hợp đồng vay đã kết thúc, số tiền vay là 29.000.000 đồng, tiền lãi đã trả là 5.800.000 đồng, trong đó có 08 hợp đồng thời hạn vay 36 ngày tương ứng mức lãi suất cho vay là 169%/năm cao gấp 8,45 lần so với Bộ luật dân sự quy định và 01 hợp đồng vay thời hạn 30 ngày, tương ứng mức lãi suất cho vay là 243%/năm cao gấp 12,15 lần so với Bộ luật dân sự quy định. Nguyễn Hoàng Q đã thu lợi bất chính là 5.244.384 đồng.

- Khách hàng Nguyễn Thu H2 (Xuyến Q1, Xuyến QT), sinh năm 1974, trú tại thôn A, xã Q1, huyện N vay 17 hợp đồng vay đã kết thúc, số tiền vay là 160.000.000 đồng, tiền lãi đã trả là 32.000.000 đồng, trong đó có 02 hợp đồng thời hạn vay 30 ngày tương ứng mức lãi suất cho vay là 243%/năm cao gấp 12,15 lần so với Bộ luật dân sự và 15 hợp đồng thời hạn vay 40 ngày, tương ứng

mức lãi suất cho vay là 183%/năm cao gấp 9,15 lần so với Bộ luật dân sự quy định. Nguyễn Hoàng Q đã thu lợi bất chính số tiền là 28.547.945 đồng.

- Khách hàng Đoàn Tâm T5 (T5 A2), sinh năm 1984, trú tại phường A2, Thành phố Hải Dương vay 20 hợp đồng vay đã kết thúc, thời hạn vay 40 ngày, số tiền vay là 200.000.000 đồng, tiền lãi đã trả là 40.000.000 đồng, tương ứng mức lãi suất cho vay là 183%/năm cao gấp 9,15 lần so với Bộ luật dân sự quy định. Nguyễn Hoàng Q đã thu lợi bất chính số tiền là 35.616.438 đồng.

- Khách hàng Nguyễn Hữu D (D N6), sinh năm 1981, trú tại thôn A3, xã N6, huyện N vay 08 hợp đồng vay đã kết thúc, 01 hợp đồng vay hiện hành, thời hạn vay 40 ngày, với số tiền là 135.000.000 đồng, tiền lãi đã trả là 25.650.000 đồng, tương ứng mức lãi suất cho vay là 173%/năm cao gấp 8,65 lần so với Bộ luật dân sự quy định. Nguyễn Hoàng Q đã thu lợi bất chính số tiền là 22.839.041 đồng.

- Khách hàng Lê Viết T2 (T2 A8), sinh năm 1959, trú tại thôn A6, xã A8, huyện N vay 23 hợp đồng vay đã kết thúc, thời hạn vay là 42 ngày, số tiền vay là 168.000.000 đồng, tiền lãi đã trả là 32.549.999 đồng, tương ứng mức lãi suất cho vay là 168% cao gấp 8,4 lần so với Bộ luật dân sự quy định. Mỗi hợp đồng Q cho ông T2 vay với số tiền 7.000.000đ, số tiền thu lời bất chính là 1.238.904 đồng. Đối với hợp đồng đang hiện hành Nguyễn Hoàng Q đã thu lợi bất chính số tiền là 28.802.601 đồng.

- Khách hàng Phạm Đình T3 (T3 A5), sinh năm 1963, trú tại thôn A5, xã A5, huyện N vay 11 hợp đồng vay đã kết thúc, thời hạn vay 40 ngày, số tiền vay là 240.000.000 đồng, tiền lãi đã trả là 48.000.000 đồng, tương ứng mức lãi suất cho vay là 183%/năm cao gấp 9,15 lần so với Bộ luật dân sự quy định. Nguyễn Hoàng Q đã thu lợi bất chính số tiền là 42.739.726 đồng.

- Khách hàng Phạm Thị N2 (N2 Chợ L), sinh năm 1978, trú tại thôn L6, xã H8, huyện N vay 02 hợp đồng vay đã kết thúc, thời hạn vay 40 ngày, số tiền vay là 22.000.000 đồng, tiền lãi đã trả là 4.400.000 đồng, tương ứng mức lãi suất cho vay là 183%/năm cao gấp 9,15 lần so với Bộ luật dân sự quy định. Nguyễn Hoàng Q đã thu lợi bất chính số tiền là 3.917.808 đồng.

- Khách hàng Bùi Văn H2 (H2 N3), sinh năm 1993, trú tại thôn Đ, xã N3, huyện N vay 09 hợp đồng vay đã kết thúc, số tiền vay là 31.000.000 đồng, tiền lãi đã trả là 6.200.000 đồng, trong đó 02 hợp đồng thời hạn vay 30 ngày, tương ứng mức lãi suất cho vay là 243%/năm cao gấp 12,15 lần so với Bộ luật dân sự và 07 hợp đồng thời hạn vay 36 ngày, tương ứng mức lãi suất cho vay là

203%/năm cao gấp 10,15 lần so với Bộ luật dân sự quy định. Nguyễn Hoàng Q đã thu lợi bất chính số tiền là 5.621.370 đồng.

Bị cáo Trương Văn D trong thời gian giúp việc cho Nguyễn Hoàng Q từ tháng 6/2020 đến ngày 05/10/2020 và từ ngày 01/7/2021 đến ngày 10/7/2022 đã thực hiện việc xác minh thông tin khách hàng vay, đơn đốc việc trả nợ của 11 người vay gồm các khách hàng là anh Đặng Văn C, chị Hoàng Thị B, chị Vũ Thị X, anh Lê Viết T2, chị Nguyễn Thu H2, chị Phan Thị N2, chị Nguyễn Thị T2, anh Nguyễn Hữu D, anh Phạm Đình T3, anh Vương Văn L và chị Phạm Thị N2 với 247 hợp đồng vay, tổng số tiền cho vay là 3.300.000.000 đồng, tổng tiền lãi thu được 660.000.000 đồng, thu lợi bất chính với tổng số tiền 588.508.494 đồng.

Bị cáo Hoàng Việt Đ trong thời gian giúp việc cho Nguyễn Hoàng Q từ 15/6/2022 đến ngày 25/8/2022, đã thực hiện việc xác minh thông tin khách hàng vay, đơn đốc việc trả nợ của 09 người vay gồm các khách hàng anh Đặng Văn C, chị Hoàng Thị B, chị Vũ Thị X, anh Lê Viết T2, chị Nguyễn Thu H2, chị Phan Thị N2, chị Nguyễn Thị Thu, anh Nguyễn Hữu D và anh Vương Văn L với tổng số 32 hợp đồng, tổng số tiền cho vay 460.000.000 đồng, tổng tiền lãi thu được 72.366.665 đồng, thu lợi bất chính với tổng số tiền 64.489.953 đồng.

**** Về vật chứng của vụ án:***

Đối với 01 chiếc điện thoại Iphone 11 Pro màu xám gắn sim điện thoại số 0961.975.920 của Nguyễn Hoàng Q có sử dụng tài khoản tên “283haiduong”, mật khẩu “haiduong” đăng nhập trên Website <https://www.Mecash.vn> để quản lý việc cho vay, cầm đồ, cho vay bất hộ hiện đang quản lý tại kho vật chứng chờ xử lý.

**** Về biện pháp tư pháp:***

Anh Đặng Văn C, anh Lê Viết T2, anh Nguyễn Hữu D, anh Bùi Văn H2, anh Phạm Đình T3 đề nghị Nguyễn Hoàng Q trả lại số tiền thu lợi bất chính. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan còn lại đến nay không yêu cầu Nguyễn Hoàng Q trả lại số tiền thu lợi bất chính.

Tại Cáo trạng số 14/CT-VKS-NS ngày 16/01/2023, Viện kiểm sát nhân huyện N, tỉnh Hải Dương truy tố các bị cáo Nguyễn Hoàng Q, Trương Văn D về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự và Hoàng Việt Đ về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự

Tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội và đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để các bị cáo

có điều kiện sửa chữa bản thân và trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N giữ nguyên quan điểm N2 đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử: Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Hoàng Q, Trương Văn D, Hoàng Việt Đ phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Về hình phạt: Căn cứ khoản 2 Điều 201, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Q, D; thêm điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo D, Q; khoản 1 Điều 201, điểm s, i khoản 1, 2 Điều 51, Điều 35, Điều 17, Điều 58 Bộ Luật hình sự đối với bị cáo Đ; điểm a, khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo; điểm a, c khoản 2, 3 Điều 106, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với các bị cáo; đề nghị: Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng Q từ 09 đến 12 tháng tù thời hạn tính từ ngày tạm giam 22/10/2022; Xử phạt bị cáo Trương Văn D từ 07 đến 09 tháng tù thời hạn tính từ ngày tạm giam 22/10/2022; Phạt tiền bị cáo Hoàng Việt Đ từ 70.000.000đ đến 90.000.000đ sung quỹ Nhà nước; Về hình phạt bổ sung: phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền đối với bị cáo Q từ 30.000.000đ đến 40.000.000đ; Về vật chứng: Tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại Iphone 11 Pro màu xám gắn sim điện thoại số 0961.975.920 của Nguyễn Hoàng Q (*theo biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện N với Chi cục Thi hành án dân sự huyện N*); Về biện pháp tư pháp: Buộc bị cáo Q phải trả toàn bộ tiền thu lợi bất chính cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu; Tịch thu toàn bộ số tiền bị cáo Q sử dụng vào việc phạm tội cùng các đồng phạm bao gồm tiền gốc bị cáo cho vay và tiền lãi theo bộ luật dân sự; Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định N2 sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, VKSND huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi,

quyết định của Cơ quan T5 hành tố tụng, người T5 hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan T5 hành tố tụng, người T5 hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. N2 vậy, có đủ cơ sở kết luận: Liên T3 trong khoảng thời gian từ tháng 6 năm 2020 đến tháng 8 năm 2022, tại quán cầm đồ " Tài chính 283", do Nguyễn Hoàng Q làm chủ ở số 22 đường Yết Kiêu, khu Nhân Đào, thị trấn N, huyện N, Nguyễn Hoàng Q cùng đồng bọn đã thực hiện cho 13 người vay tiền tương ứng với 400 hợp đồng vay, với tổng số tiền cho vay là 5.358.000.000 đồng, mức lãi xuất cho vay từ 173,8%/năm đến 243%/năm – đã vượt quá 05 lần trở lên mức lãi xuất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 (20%/năm). Số tiền lãi Nguyễn Hoàng Q đã thu được là 1.051.966.665 đồng. Trong đó xác định tiền Nguyễn Hoàng Q thu lợi bất chính là 937.973.789 đồng.

Trong khoảng thời gian từ tháng 6/2020 đến ngày 05/10/2020 và từ ngày 01/7/2021 đến ngày 10/7/2022, Trương Văn D giúp việc Nguyễn Hoàng Q cho 11 người vay tiền, tổng số 247 hợp đồng, với tổng số tiền cho vay 3.300.000.000 đồng, tổng tiền lãi thu được 660.000.000 đồng, thu lợi bất chính với tổng số tiền 588.508.494 đồng.

Trong khoảng thời gian từ ngày 15/6/2022 đến ngày 25/8/2022, Hoàng Việt Đ giúp việc Nguyễn Hoàng Q cho 09 người vay tiền, tổng số 32 hợp đồng, với tổng số tiền cho vay 460.000.000 đồng, tổng tiền lãi thu được 72.366.665 đồng, thu lợi bất chính với tổng số tiền 64.489.953 đồng.

Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính. Các bị cáo nhận thức được việc cho vay tiền với mức lãi suất vượt quá 05 lần trở lên so với mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Bộ Luật dân sự là vi phạm pháp luật N2ng vì mục đích tư lợi các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Số tiền bị cáo Q thu lợi bất chính là 937.973.789 đồng. Trương Văn D giúp việc cho Nguyễn Hoàng Q trong việc cho vay lãi nặng với số tiền thu lợi bất chính với là 588.508.494 đồng. Do đó, hành vi của Q và D đã đủ yếu tố cấu thành tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự; Hoàng Việt Đ giúp việc cho Nguyễn Hoàng Q trong việc cho vay lãi nặng với số tiền thu lợi bất chính với là

64.489.953 đồng nên hành vi của Đ đã cấu thành tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố các bị cáo với tội danh, điều luật N2 trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Trong vụ án các bị cáo thực hiện tội phạm với tính chất đồng phạm giản đơn, không có sự bàn bạc, câu kết chặt chẽ. Tuy nhiên, cần đánh giá vai trò, vị trí, tính chất, mức độ hành vi của từng bị cáo để có mức hình phạt phù hợp. Bị cáo Q là người chủ mưu, trực T3 thực hiện hành vi còn bị cáo D và bị cáo Đ là người được Q thuê để giúp việc, mặc dù biết Q thực hiện hành vi trên là phạm tội N2ng đã không ngăn cản mà cùng Q thực hiện tội phạm nên giữ vai trò thực hành. Vì vậy, Hội đồng xét xử sẽ có mức hình phạt tương xứng với từng hành vi phạm tội của các bị cáo, bị cáo Q sẽ phải chịu mức hình phạt cao nhất, T3 đến là bị cáo D và cuối cùng là bị cáo Đ.

[4] Xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo; bị cáo D, Đ phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; bị cáo Q, bị cáo D tự nguyện khắc phục một phần hậu quả (trả một phần tiền thu lời bất chính cho một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm trả chị Vũ Thị X 5.000.000đ; anh Đặng Văn C 5.000.000đ và 12.684.932đ cho anh Vương Văn L). Ngoài ra, bị cáo Q còn cùng gia đình tích cực tham gia ủng hộ địa phương trong đợt phòng chống dịch bệnh Covid – 19 có xác nhận của chính quyền địa phương nên bị cáo Q được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo D được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s, i khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo Đ được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, i khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Q và D phạm tội với số tiền thu lợi bất chính lớn nên cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung. Bị cáo Q với vai trò đầu vụ, số tiền thu lời bất chính lớn nhất nên phải chịu mức án cao nhất, T3 đến là bị cáo D. Tuy nhiên, do bị cáo Q, D có nhiều tình tiết giảm nhẹ, lần đầu phạm tội và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải đã tự nguyện tác động gia đình hoàn trả một phần tiền cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên cần giảm mức án cho các bị

cáo để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Bị cáo Đ cùng Q thực hiện hành vi với số tiền thu lợi bất chính quy định tại khoản 1 Điều 201 BLHS nên chỉ cần áp dụng hình phạt chính là phạt tiền quy định tại Điều 35 Bộ luật hình sự cũng đủ tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Hình phạt bổ sung: Theo quy định tại **khoản 3 Điều 201** Bộ luật hình sự các bị cáo có thể chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền. Bị cáo Q là người hưởng lợi từ việc cho vay nên cần phạt bổ sung là phạt tiền nộp quỹ Nhà nước đối với bị cáo. Bị cáo D, Đ giữ vai trò thực hành, không được hưởng lợi từ việc bị cáo Q cho vay, mặt khác bị cáo Đ đã bị áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo D và Đ.

[6] Về biện pháp tư pháp: Số tiền bị cáo Q cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vay được xác định tiền sử dụng vào việc phạm tội cần buộc bị cáo Nguyễn Hoàng Q phải nộp lại số tiền gốc cho vay lãi cao là 5.260.083.333đ và số tiền lãi theo Bộ luật dân sự là 113.992.874đ để sung vào quỹ Nhà nước

Đối với các hợp đồng đang thực hiện cần buộc những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền gốc đã vay còn lại N2ng chưa thanh toán cho bị cáo Nguyễn Hoàng Q cụ thể là: Anh Đặng Văn C phải nộp 81.000.000đ; Anh Nguyễn Hữu D phải nộp số tiền 6.750.000đ; Ông Lê Viết T2 phải nộp số tiền 5.166.667đ; Chị Vũ Thị X phải nộp số tiền 5.000.000đ.

Đối với số tiền thu lợi bất chính những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Đặng Văn C, ông Lê Viết T2, anh Nguyễn Hữu D, anh Bùi Văn Hoà, anh Phạm Đình T3 yêu cầu bị cáo Q phải hoàn trả. Bị cáo Q xác định bị cáo D, bị cáo Đ chỉ là người làm thuê cho bị cáo, bị cáo Q trực T3 cho vay, nhận tiền gốc, lãi từ những người vay. Toàn bộ số tiền lãi thu được của những vay bị cáo là người sử dụng. Tại phiên tòa, bị cáo Q xác định trách nhiệm hoàn trả số tiền thu lợi bất chính từ người vay thuộc về bị cáo do đó, cần buộc bị cáo Nguyễn Hoàng Q phải trả cho anh Đặng Văn C số tiền 631.980.365đ tuy nhiên đối trừ với số tiền bị cáo đã tự nguyện khắc phục 5.000.000đ cho anh C theo biên lai thu số AA/2020/0002450 ngày 09/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, bị cáo Q còn phải trả anh C 626.980.365đ; Trả anh Lê Viết T2 số tiền 28.802.602.đ; Trả anh Nguyễn Hữu D số tiền 22.839.041đ; Trả anh Bùi Văn Hoà số tiền 5.621.370đ; Trả anh Phạm Đình T3 số tiền 42.739.726đ.

Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mà bị cáo cho vay gồm chị Nguyễn Thị N2, chị Phạm Thị N2; bà Hoàng Thị B, anh Đoàn Tâm T5,

chị Phạm Thị Thu, chị Nguyễn Thu H2, chị Vũ Thị X cho các bị cáo số tiền thu lợi bất chính, nên không đặt ra xem xét, xử lý. Anh Vương Văn L đã nhận đủ số tiền 12.684.932 đồng tiền thu lợi bất chính và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm chị Tống Diệu Ni (vợ bị cáo Q) do bị cáo Q tác động nên đã tự nguyện hoàn trả cho anh Đặng Văn C 5.000.000đ; chị Ni xác định đây là tiền chung của vợ chồng do làm ăn tích góp mà có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết; anh Nguyễn Văn T5 (bạn của bị cáo Q, D) tự nguyện trả cho chị X 5.000.000đ và anh Vương Văn L 12.684.932đ, số tiền này anh T5 cho bị cáo Q, D và không còn yêu cầu các bị cáo phải hoàn trả nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 chiếc điện thoại Iphone 11 Pro màu xám gắn sim điện thoại số 0961.975.920 của Nguyễn Hoàng Q có sử dụng tài khoản tên “283haiduong”, mật khẩu “haiduong” đăng nhập trên Website <https://www.Mecash.vn> để quản lý việc cho vay, cầm đồ, cho vay bất họ xác định là công cụ phạm tội nên cần tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước.

Đối với chiếc xe máy Wave nhãn hiệu Honda màu đen của Q (mua năm 2020 không nhớ biển số xe, không nhớ mua của ai), Q và các bị cáo có trình bày có sử dụng đi xác minh hoặc đi thu tiền của khách vay. Đến tháng 8.2022 Q không hoạt động cho vay lấy lãi nữa nên bị cáo Q đã bán chiếc xe được 6.000.000đ (không nhớ cụ thể) và tiêu sài cá nhân hết. Chiếc xe trên không thu giữ cũng N2 không làm rõ được nguồn gốc nên không đặt ra để xử lý.

[8] Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Đối với Đào Hồng Q, sinh năm 1990, trú tại số 925 đường H, phường H, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng làm cho Nguyễn Hoàng Q trong thời gian từ ngày 25/9/2021 đến tháng 2/2022. Tuy nhiên Hồng Q chỉ thực hiện việc xác minh thông tin người vay, thu tiền lãi và gốc, lãi đối với 05 khách hàng/05 hợp đồng, trong đó làm rõ 04 khách hàng/04 hợp đồng với tổng số tiền cho vay 40.000.000 đồng, tổng tiền lãi thu được 8.000.000 đồng, thu lợi bất chính với tổng số tiền 7.122.192 đồng. Số tiền thu lợi bất chính chưa đủ để truy cứu trách nhiệm hình sự nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N ra Quyết định xử phạt hành chính là có căn cứ, đúng theo quy định.

Nguyễn Hoàng Q còn thuê Nguyễn T9 Công, sinh năm 1998, trú tại số 116 đường Q1, phường H, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng; Dương Bá L8, sinh năm 2000, trú tại số 27/801 đại lộ T, phường S quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng làm việc tại quán. Tuy nhiên, những người này chỉ được giao cho việc trông nhà, dọn dẹp không biết và không tham gia vào hoạt động cho vay lãi của Hoàng Q nên không có căn cứ xử lý theo quy định.

Đối với Vũ Đ Q, tự khai sinh năm 2002 trú tại phường Q, Thành phố Hải Phòng, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã T5 hành xác minh tại địa phương, T5 hành cho Nguyễn Hoàng Q, Trương Văn D nhận dạng ảnh tuy nhiên xác định không có người tên Vũ Đ Q nên không có căn cứ truy tìm, xử lý đối tượng theo quy định của pháp luật.

Đối với các mã khách hàng "V T", "H T" theo Q khai nhận là của anh V ở T, qua xác minh ở T có anh Đỗ Hồng V, sinh năm 1982, trú tại thôn Lê Hà, xã T, huyện N; các mã "Giang NS", "Giang N", "Hậu NS" theo Q khai nhận là của Hậu ở thị trấn N, qua xác minh ở thị trấn N có anh Trần Đ Hậu, sinh năm 1996, trú tại khu H4, Thị trấn N, huyện N; các mã khách hàng "C Nam Khê" theo Q khai nhận là của anh C ở Nam Khê, qua xác minh ở thôn Nam Khê, xã H4 có anh Trịnh Xuân C, sinh năm 1984, trú tại thôn Nam Khê, xã H4, huyện N và các mã "Trường Vận Tải", "Yến Vận Tải" theo Q khai nhận là của anh Trường ở thôn Vận Tải, xã H4, qua xác minh ở thôn V, xã H4 có anh Nguyễn Văn T3, sinh năm 1985, trú tại thôn V, xã H4, huyện N. Tuy nhiên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N chưa làm việc được với những người có thông tin trên do vậy chưa đủ căn cứ xác định những người này sử dụng các mã khách hàng trên để vay tiền của Hoàng Q. Cơ quan Cảnh sát điều tra T3 tục xác minh, nếu đủ căn cứ sẽ xử lý sau là phù hợp.

Đối với 121 tên khách hàng tại bảng sao kê không rõ tên tuổi địa chỉ người đã vay tiền của Nguyễn Hoàng Q đồng thời Hoàng Q không xác định được nhân thân lai lịch của 121 tên khách hàng đã vay tiền này, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã T5 hành xác minh N2ng không đủ thông tin để xác định chính xác do vậy không đặt vấn đề xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 201, điểm s, b, i khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Q, D; thêm khoản 3 Điều 201 đối với bị cáo Q; căn cứ khoản 1 Điều 201, điểm s, i khoản 1, 2 Điều 51, Điều 35, Điều

17, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đ; Điều 47, 48 Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106, Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Hoàng Q, Trương Văn D, Hoàng Việt Đ phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng Q 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 22/10/2022

Xử phạt bị cáo Trương Văn D 07 (bảy) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 22/10/2022

Phạt bị cáo Hoàng Việt Đ phải nộp số tiền 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng) vào Ngân sách nhà nước.

3. Về hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo Nguyễn Hoàng Q phải nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng).

4. Về biện pháp tư pháp

+ Buộc bị cáo Nguyễn Hoàng Q phải nộp lại số tiền gốc đã cho vay là 5.260.083.333đ (năm tỷ hai trăm sáu mươi triệu không trăm tám mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng) và số tiền lãi theo quy định của Bộ luật dân sự là 113.992.874đ (một trăm mười ba triệu chín trăm chín mươi hai nghìn tám trăm bảy mươi bốn đồng) để tịch thu sung vào quỹ Nhà nước

+ Buộc những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền đã vay N2ng chưa thanh toán cho bị cáo Nguyễn Hoàng Q cụ thể là:

Anh Đặng Văn C phải nộp 81.000.000đ (tám mươi một triệu đồng)

Anh Nguyễn Hữu D phải nộp số tiền 6.750.000đ (sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng)

Ông Lê Viết T2 phải nộp số tiền 5.166.667đ (năm triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng)

Chị Vũ Thị X phải nộp số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng)

+ Buộc bị cáo Nguyễn Hoàng Q phải trả cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan số tiền mà bị cáo thu lời bất chính gồm:

Trả cho anh Đặng Văn C số tiền 631.980.365đ N2ng được đối trừ với số tiền bị cáo đã tự nguyện khắc phục là 5.000.000đ theo biên lai thu số AA/2020/0002450 ngày 09/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, bị cáo Q còn phải trả anh C 626.980.365đ (sáu trăm hai mươi sáu triệu chín trăm tám mươi mươi nghìn ba trăm sáu mươi lăm đồng).

Trả Anh Lê Viết T2 số tiền 28.802.602.đ (hai mươi tám triệu tám trăm linh hai nghìn sáu trăm linh hai đồng).

Trả anh Nguyễn Hữu D số tiền 22.839.041đ (hai mươi hai triệu tám trăm ba mươi chín nghìn không trăm bốn mươi một đồng).

Trả anh Bùi Văn H số tiền 5.621.370đ (năm triệu sáu trăm hai mươi một nghìn ba trăm bảy mươi đồng)

Trả anh Phạm Đình T3 số tiền 42.739.726đ (bốn mươi hai triệu bảy trăm ba mươi chín nghìn bảy trăm hai mươi sáu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật; người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

5. Về vật chứng: Tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại Iphone 11 Pro màu xám gắn sim điện thoại số 0961.975.920 (theo biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện N với Chi cục Thi hành án dân sự huyện N).

6. Về án phí: Buộc các bị cáo Nguyễn Hoàng Q, Trương Văn D và Hoàng Việt Đ mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần liên quan đến mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- VKSND huyện N;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- CQCSĐT-CA huyện N;
- CQTHAHS-CA huyện N
- Chi cục THADS huyện N;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương;
- Bộ phận hồ sơ nghiệp vụ CA huyện N;
- Các bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Điệp

